

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2025
V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Ông Lê Văn Thương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **PHÙNG THỊ HUỲNH GIANG**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **LÊ VĂN K**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị G có mặt; anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phùng Thị Huỳnh G trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh K tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến tới hôn

nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 10/9/2015.

Thời gian đầu sống chung vợ chồng hạnh phúc. Nhưng đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể có được tiếng nói chung, đời sống gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Từ tháng 9/2020, chị G và anh K đã sống ly thân với nhau. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Lê Văn K.

- Về con chung: Chị G và anh K có 02 con chung là cháu Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/10/2013 và Lê Trọng K1, sinh ngày 18/02/2016. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh K, tuy nhiên anh K không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị G và anh K. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/10/2013 và Lê Trọng K1, sinh ngày 18/02/2016 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 . *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị G yêu cầu ly hôn với anh K và yêu cầu giải quyết về con chung. Anh K có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2 . *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn anh K đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G và anh K tự tìm hiểu, quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 10/9/2015. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày, trong khoảng thời gian đầu sống đầu, vợ chồng không mâu thuẫn gì. Nhưng đến năm 2022 thì xuất hiện mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Dù đã tìm cách giải quyết, nhưng cũng không giải quyết được mâu thuẫn và không hàn gắn được. Hiện anh, chị đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án dù đã được giải thích về hậu quả pháp lý của việc ly hôn, chị G vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh K cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình phản đối lại các yêu cầu của chị G. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4]. *Về con chung:* Nhận thấy 02 cháu Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/10/2013 và Lê Trọng K1, sinh ngày 18/02/2016, đang sống cùng chị G. Tại biên bản lời khai ngày 05/4/2025, bà Phạm Thị B (là mẹ ruột của anh K) cũng trình bày nội dung sáng 02 cháu T, K1 đi học, trưa chồng bà rước về và chiều khi chị G đi làm về thì rước 02 cháu về. Tại vabw bản trình bày ý kiến, hai cháu T và K1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị G. Do đó, để đảm bảo tránh xáo trộn về môi trường sống, tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần thiết giao 02 cháu Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/10/2013 và Lê Trọng K1, sinh ngày 18/02/2016 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do không có yêu cầu Tòa án giải quyết, xem xét về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị G trình bày không có tài sản chung, nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh K cũng không có ý kiến phản đối nội dung này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí:* Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo:* Chị G và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định

tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Huỳnh G. Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị Huỳnh G và anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao 02 con chung giữa chị G và anh K là cháu Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/10/2013 và Lê Trọng K1, sinh ngày 18/02/2016 cho chị Phùng Thị Huỳnh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn K chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do không có yêu cầu.

2.1. Anh Lê Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Chị Phùng Thị Huỳnh G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị Huỳnh G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai thu số 0003811 ngày 17/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị G đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị Huỳnh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lê Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được

niêm yết công khai theo quy định, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thạch Hải Âu